TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 06-6-2018.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Đoàn Thị Quế

2. Ông: Hồ Bá Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ B Pxét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2017/TLST- HNGĐ ngµy 29 th¸ng 11 n¨m 2017, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị TrÇn ThÞ T P.

Địa chỉ: Số nhà 19, tổ dân phố 29, phường M, thành phố Đ B P, tỉnh Đ B.

- Bị đơn: Anh Lª H V.

Địa chỉ: Số nhà 19, tổ dân phố 29, phường M, thành phố Đ B P, tỉnh Đ B.

HiÖn ®ang chÊp hµnh ¸n h×nh ph¹t tï t¹i ®éi 11, ph©n tr¹i sè 2, tr¹i giam sè 5, Y §, T H.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 28/11/2017, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị TrÇn ThÞ T P trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị P và anh V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngµy 20/10/1998 tại UBND phêng M, thµnh phè § B P, tØnh § B. Quá trình chung sống, do hai anh chị thêng xuyªn bÊt ®ång quan ®iÓm sèng, tÝnh tình kh«ng thÓ hoµ hîp, anh V thường xuyên dùng bạo lực đối với chị P, khiến chị P luôn lâm vào tình trạng sợ sệt. Hơn nữa anh V không có trách nhiệm với gia đình lại còn nợ nần nhiều. Hiện anh V ®ang ph¶i ®i chÊp hµnh ¸n ph¹t tï, nªn chị P kh«ng thÓ tiÕp tôc chung sèng víi anh V©n ®îc n÷a, chị P đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đ B P, tỉnh Đ B giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

- *Về con chung:* Chị P và anh V có 01 con chung là Lª P N sinh ngày 06/02/1999. Hiện nay cháu N đã đủ tuổi trưởng thành và đang sinh sèng t¹i ph-êng 15, quËn 10, thµnh phè HCM nên chị P không đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đ B P giải quyết về con chung.

- *Về tài sản chung vµ nî*: ChÞ P kh«ng yªu cÇu Toµ ¸n gi¶i quyÕt.

) Tại ®¬n ®Ò nghÞ ngµy 16/3/2018 anh V trình bày:

HiÖn t¹i, anh V ®ang chÊp hµnh ¸n h×nh ph¹t tï t¹i ®éi 11, ph©n tr¹i sè 2, tr¹i giam sè 5, Y §, T H. Anh V ®· nhận ®îc th«ng b¸o thô lý cña Toµ ¸n nh©n d©n thµnh phè § B P, tØnh § B vÒ viÖc chÞ TrÇn ThÞ T P cã ®¬n yªu cÇu ly h«n ®èi víi anh. Anh V không nhất trí ly hôn và cã ®¬n ®Ò nghÞ Toµ ¸n nh©n d©n thµnh phè § B P, tØnh § B t¹m dõng gi¶i quyÕt viÖc ly h«n giữa anh vµ chÞ P ®Ó ®¶m b¶o mäi quyÒn lîi gi÷a hai bªn, anh V xin được tự hoà giải với chị P sau khi hết hạn phạt tù hoặc nhờ Toà án giải quyết sau.

- *Về con chung:* Anh V không có đề nghị gì.

- *Về tài sản chung và nợ*: Anh V không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Xét bị đơn anh Lê Hồng V hiện đang chấp hành án tại ®éi 11, ph©n tr¹i sè 2, tr¹i giam sè 5, Y §, T H là địa chỉ cuối cùng anh V được chuyển đến để tiếp tục việc thi hành án. Tuy nhiên, trước khi bị bắt, anh V cùng chị P sinh sống ở địa chỉ: Số nhà 19, tổ dân phố 29, phường M, thành phố Đ B P, tỉnh Đ B, do đó cần xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ B P, tỉnh Đ B, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về Nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh V được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Đ B P, tỉnh Đ B. Cuộc sống chung của đôi bên anh chị sau khi kết hôn không có sự hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, chị P luôn sống trong sự sợ hãi bởi anh V thường xuyên dùng bạo lực đối với chị P. Hiện tại, anh V đang phải chấp hành án phạt tù tại tr¹i giam sè 5, Yªn §Þnh, Thanh Ho¸.

Tại đơn đề nghị của anh V, anh không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị P, anh V muốn hai vợ chồng anh chị tự giải quyết sau khi anh hết hạn phạt tù, để đảm bảo quyền lợi giữa hai bên, nếu không tự giải quyết được mới nhờ Toà án giải quyết. Tuy nhiên, trong yêu cầu xin ly hôn ban đầu của chị P cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị P chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ B P giải quyết về phần hôn nhân vì tình cảm vợ chồng không còn. Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về con và tài sản chung, công nợ. Vì vậy, quyền lợi và nghĩa vụ về tài sản chung và công nợ giữa chị P và anh V sẽ được tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác sau khi ly hôn nếu các bên có yêu cầu. Do đó đề nghị của anh V không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng chị P, anh V đã thật sự tan vỡ, nên việc chị P xin được ly hôn với anh V là phù hợp với Luật hôn nhân gia đình, cần được chấp nhận.

* Về con chung: Chị P và anh V có 01 con chung là L P N sinh ngày 06/02/1999, hiện tại cháu N đã đủ tuổi thành niên và đang sinh sống tại thành phố HCM. Chị P, anh V không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tài sản chung và nợ: Chị P, anh V không đề nghị Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về tài sản và nợ.

* Về án phí: Chị Trần Thị T P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về lệ phí, án phí Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T P và anh Lê Hồng V.

2. Về con chung: Chị P, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị P, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai số AA/2016/0001623, ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (6/6/2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND phường Mường Thanh;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Hằng